

## Việc sử dụng sáng tạo thành ngữ, tục ngữ trong tiểu thuyết sau 1975<sup>1</sup>

Đỗ Thị Kim Liên\*

*Trường Đại học Vinh, 182 Lê Duẩn, Thành phố Vinh, Nghệ An, Việt Nam*

Nhận bài ngày 04 tháng 5 năm 2013

Chỉnh sửa ngày 09 tháng 11 năm 2013; Chấp nhận đăng ngày 13 tháng 12 năm 2013

**Tóm tắt:** Các công trình nghiên cứu về thành ngữ và tục ngữ từ trước đến nay thường tiếp cận thành ngữ, tục ngữ như những đơn vị tách rời ngữ cảnh, tách rời mục đích giao tiếp. Với cách tiếp cận mới, chúng tôi xem xét các thành ngữ, tục ngữ trên bình diện chức năng, gồm các điểm: (1) Xem xét ý nghĩa của thành ngữ, tục ngữ được đặt trong những bối cảnh nhất định, kết hợp với mục đích của người nói; (2) Xem xét cách dùng sáng tạo của các nhà văn về cấu trúc của thành ngữ, tục ngữ và ý nghĩa mới của các thành ngữ và tục ngữ đó.

*Từ khóa:* Thành ngữ, tục ngữ, ý nghĩa, cấu trúc, quan hệ.

### 1. Về sự nghiên cứu thành ngữ, tục ngữ với tư cách là đơn vị của ngôn ngữ và đơn vị trong hành chức

Thành ngữ và tục ngữ là hai đơn vị ngôn ngữ thường được sử dụng trong lời ăn tiếng nói hàng ngày cũng như trong tác phẩm văn chương. Vì vậy, chúng được các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước quan tâm từ lâu [1-4]. Những tác giả này đã có nhiều bài viết bàn về những tiêu chí phân biệt thành ngữ với tục ngữ khá đầy đủ. Tác giả Hoàng Văn Hành đã tổng kết một cách khái quát như sau: "Thành ngữ tuy có nhiều nét tương đồng với tục ngữ (như: **tính bền vững về cấu tạo, tính bóng bẩy về**

**nghĩa**,...) nhưng lại khác tục ngữ về bản chất. Sự khác biệt thể hiện ở chỗ: Thành ngữ là những tổ hợp từ "đặc biệt", biểu thị những khái niệm một cách bóng bẩy, còn tục ngữ là những câu - ngôn bản đặc biệt, biểu thị những phán đoán một cách nghệ thuật" [3, tr.31]. Tuy vậy, những tác giả nghiên cứu thành ngữ, tục ngữ thời kì này đã xét chúng với tư cách là những đơn vị ngôn ngữ cô lập, chưa chú ý đến ngữ cảnh sử dụng, mục đích và thái độ của người nói (viết).

Với hướng tiếp cận mới, chúng tôi xem xét thành ngữ, tục ngữ trong hành chức, nghĩa là chúng tôi xem xét trên những điểm mới sau: (1) Xem xét ý nghĩa của thành ngữ, tục ngữ được đặt trong những ngữ cảnh nhất định, tính mục đích của người nói trong ngữ cảnh đó; (2) Xem xét sự sáng tạo của nhà văn về cách cấu tạo thành ngữ, tục ngữ và ý nghĩa mới của chúng; (3) Từ đó, rút ra đặc trưng phong cách của nhà

\* ĐT.: 84-1696373659

Email: kimliengv@yahoo.co.uk

<sup>1</sup> Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số VIII.2-2011.02.

văn trong việc sử dụng những thành ngữ, tục ngữ trong tác phẩm của mình, cũng như những đóng góp mang tính sáng tạo riêng của các nhà văn hiện đại sau 1975. Tuy nhiên, trong giới hạn bài viết này, chúng tôi tập trung trình bày nội dung (1) và (2), nội dung (3) sẽ được chúng tôi trình bày ở bài viết tiếp theo.

## 2. Tần suất xuất hiện của thành ngữ và tục ngữ trong tiểu thuyết sau 1975

Sau 1975, nền văn học Việt Nam có những sự đổi mới về hình thức thể hiện cũng như nội dung phản ánh, nhưng thực sự gặt hái được những thành công là từ sau năm 1980. Một trong những đổi mới về ngôn ngữ đáng ghi nhận của các nhà văn là họ đã sử dụng sáng tạo thành ngữ, tục ngữ trong tác phẩm của mình. Đây cũng là một điểm khác so với văn học thời kỳ trước 1975. Ở thời kỳ này, việc sử dụng thành ngữ, tục ngữ như một biện pháp nghệ

thuật đã được chú trọng, nhưng chúng không có những thay đổi đáng kể về hình thức cấu tạo lẫn ý nghĩa biểu đạt, đa số chúng được sử dụng nguyên dạng, thể hiện qua sáng tác của các nhà văn Nam Bộ vào cuối thế kỷ XIX đầu XX- thời kỳ các nhà văn Việt Nam bắt đầu sử dụng chữ quốc ngữ để sáng tác<sup>2</sup>, trong số đó có nhà văn tiêu biểu nhất là Hồ Biểu Chánh<sup>3</sup>. Sau 1975, hàng loạt nhà văn có tên tuổi như: Nguyễn Minh Châu, Ma Văn Kháng, Lê Lựu, Chu Lai, Nguyễn Thị Thu Huệ, Võ Thị Hảo, Hồ Anh Thái, Nguyễn Huy Thiệp, Tạ Duy Anh, Nguyễn Xuân Khánh, Đặng Thân, Lý Lan, Trần Thùy Mai, Võ Thị Xuân Hà... có cơ hội cho ra đời những tác phẩm mới. Trong số họ, có những tác giả sử dụng thành ngữ, tục ngữ với số lượng lớn. Tuy nhiên cũng có những tác giả rất ít dùng thành ngữ, tục ngữ. Do giới hạn của bài viết, chúng tôi thống kê số lượng thành ngữ, tục ngữ trong tiểu thuyết của 10 tác giả sau 1975:

Bảng thống kê số lượng thành ngữ, tục ngữ của những tác giả tiêu biểu sau 1975

TT	Tác giả	Tác phẩm	Số lượng		Tổng số thành ngữ, tục ngữ của từng tác giả
			Thành ngữ	Tục ngữ	
	Hồ Anh Thái (2012)	SBC là sản bất chuột	132	32	164
	Nguyễn Xuân Khánh (2012)	Mẫu Thượng ngàn	195	31	226
	Chu Lai (2006)	Phố	74	8	84
	Lê Lựu (2010)	Hai nhà	90	27	117
	Dương Thụy (2009)	Oxford thương yêu	65	9	75
	Ma Văn Kháng (2010)	Một mình một ngựa	72	32	104
	Võ Thị Hảo (2007)	Giàn thiêu	174	9	263
	Nguyễn Khắc Phê (2011)	Biết đâu địa ngục thiên đường	182	36	218
	Bảo Ninh (2011)	Nỗi buồn chiến tranh	33	5	38
	Đặng Thân (2011)	Những mảnh hồn trần	167	34	201
	Tổng cộng:	10 tác phẩm	1184 ~ 84,39%	219 ~ 15,61%	1303 ~ 100%

<sup>2</sup> Xem: *Đặc điểm sử dụng thành ngữ cuối thế kỷ XIX đầu XX qua tác phẩm của một số tác giả tiêu biểu ở Nam Bộ*, Kỷ yếu Hội thảo Ngôn ngữ học toàn quốc lần thứ II, tháng 5 năm 2013, Hà Nội.

<sup>3</sup> Tư liệu dẫn đến kết luận này xuất phát từ bảng thống kê số lượng thành ngữ, tục ngữ trong các tác phẩm của Hồ Biểu Chánh do TS. Nguyễn Hoài Nguyên, Trường Đại học Vinh cung cấp. Do một số nguyên nhân chủ quan và khách quan, phần tư liệu này chưa được công bố.

Qua bảng thống kê trên, chúng tôi thấy đa số các giả đều dùng thành ngữ nhiều hơn tục ngữ. Tổng số thành ngữ, tục ngữ của cả 10 tác giả trên là 1303 đơn vị, trong đó có 1184 đơn vị là thành ngữ, chiếm 84,39%, tục ngữ là 219 chiếm 15,6%. Như vậy, việc sử dụng thành ngữ trong tiểu thuyết của các tác giả trên nhiều gấp 5,5 lần so với tục ngữ.

Xét mỗi tác giả cụ thể thì có hai tác giả sử dụng tục ngữ rất ít là Bảo Ninh và Dương Thụy. Bảo Ninh chỉ sử dụng chỉ 5 tục ngữ (nhưng có đến 33 thành ngữ), còn Dương Thụy là 9 tục ngữ (nhưng lại có 65 thành ngữ). Người sử dụng thành ngữ với số lượng rất lớn là Võ Thị Hào, có đến 174 thành ngữ mà cũng chỉ có 9 tục ngữ. Nhà văn Chu Lai cũng chỉ sử dụng 8 tục ngữ, nhưng lại có đến 84 thành ngữ. Ở những tác giả khác, tỷ lệ thành ngữ và tục ngữ đều giao động từ 5,0 % đến 5,5 %, nghĩa là cứ 5 hoặc 6 thành ngữ thì gặp 1 tục ngữ. Cụ thể là: Đặng Thân sử dụng 167 thành ngữ, 34 tục ngữ; Nguyễn Khắc Phê là 182 thành ngữ, 36 tục ngữ; Nguyễn Xuân Khánh sử dụng 195 thành ngữ, 31 tục ngữ; Lê Lựu sử dụng 90 thành ngữ, 27 tục ngữ. Đặc biệt nhất, nhà văn Ma Văn Kháng sử dụng tục ngữ với số lượng cao, xấp xỉ cứ hai thành ngữ thì có một tục ngữ, cụ thể: 72 thành ngữ, 32 tục ngữ. Con số trên đây cho chúng tôi kết luận: thành ngữ, tục ngữ là đơn vị ngôn ngữ được sử dụng một cách thích hợp cho việc cấu tạo câu văn nghệ thuật bởi tính hàm súc về cấu tạo và tính biểu trưng về ý nghĩa. Tuy vậy, nếu so sánh giữa thành ngữ và tục ngữ, thì do đặc điểm về chức năng và đích tác động, tục ngữ thiên về những phán đoán được đúc rút từ kinh nghiệm sống lâu đời mà có, chúng tác động đến lý trí và nhận thức, cho nên không phải nhà văn nào cũng sử dụng, nội dung tác phẩm nghệ thuật nào cũng có thể chuyển tải tục ngữ trong đó.

### 3. Biểu hiện của cách dùng sáng tạo thành ngữ, tục ngữ trong tiểu thuyết sau 1975

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi quan niệm cách dùng sáng tạo là người nói (viết) sử dụng thành ngữ, tục ngữ như những đơn vị cố định (có sẵn) trong tư duy của con người để tạo ra các phát ngôn trong những ngữ cảnh khác nhau (trong một chỉnh thể văn bản nhất định) nhằm tạo ra một giá trị nghĩa mới so với đơn vị có trước.

Về vấn đề đơn vị ngôn ngữ có sẵn, tác giả F de Saussure cho rằng: "Ngôn ngữ tồn tại trong tập thể dưới dạng thức tổng thể những dấu vết đọng lại trong mỗi bộ óc, đại loại như một pho từ điển mà mỗi bản in, vốn giống hệt nhau, được phân phối cho từng cá nhân. Vậy, đó là một cái gì có mặt trong mỗi cá nhân, trong khi vẫn là cái chung cho mọi người và ở bên ngoài ý chí của những người bảo quản nó" [5, tr.46]. Tiếp thu quan niệm này của F.de Saussure, chúng tôi xem đơn vị thành ngữ, tục ngữ được ghi lại trong từ điển là những đơn vị cố định, có cấu trúc cố định, có nghĩa của chúng. Khi người sử dụng làm thay đổi về cấu trúc để thay đổi về ý nghĩa một cách có ý thức để làm đổi mới sự nhận thức với người tiếp nhận thì lúc này chúng được xem là sáng tạo.

Sau 1975, các nhà văn sử dụng sáng tạo thành ngữ và tục ngữ theo hai con đường sau:

#### 3.1. Sáng tạo thành ngữ, tục ngữ về mặt cấu tạo

Có thể chia thành các tiểu nhóm sau:

##### - Đảo trật tự thành tố trong trong tổ chức thành ngữ, tục ngữ

Như đã trình bày trên, thành ngữ, tục ngữ vốn có cấu tạo cố định, được hình thành gắn với

kinh nghiệm sống và dần dần cố định hóa trong tư duy. Trong quá trình sử dụng, nhà văn đã "có ý thức" chuyển đổi vị trí các thành tố trong cấu trúc nội tại của thành ngữ, tục ngữ để đưa lại ý nghĩa mới, nhận thức mới với người đọc. Biện pháp này được sử dụng nhưng không nhiều, bởi vì khi chuyển đổi các thành tố trong cấu trúc nội tại thường làm biến đổi ý nghĩa của thành ngữ

Trong ví dụ sau, nhà văn Hồ Anh Thái đã sử dụng biện pháp đổi trật tự vị trí các thành tố trong thành ngữ *chôn rau cắt rốn* thành *cắt rốn chôn rau* với nghĩa đen của chúng, qua đó gián tiếp thể hiện thái độ điệu nhại ngầm ẩn của mình, mặc dù ông cố tỏ ra lạnh lùng, khách quan:

(1) Gã rút hộ con dao. Vẫn chưa hiểu ý. Cắt cái gì. Cô gái chỉ tay về phía dưới, khúc ruột lòng thông. Hai người bạn học, một trai một gái tự *cắt rốn chôn rau*. Giải quyết xong mọi việc thì bà chủ nhà về. [HAT, SBCLSBC, tr.115]

Theo Nguyễn Lân thì *Chôn nhau (rau) cắt rốn* ý nói nơi mình đã sinh, nơi quê hương của mình; Thường dùng với nghĩa tha thiết nhớ mong [6, tr.88]. Còn Nguyễn Như Ý thì viết: "*Cắt rốn, chôn rau* là hai việc đầu tiên phải làm gắn liền với sự ra đời của một con người) 1. Được sinh ra; 2. Thuộc nơi mình sinh ra, thuộc quê hương, nơi gắn bó máu thịt với mình" [7, tr.175]. Như vậy, thành ngữ *chôn rau cắt rốn* được hai tác giả này giải nghĩa giống nhau là đều nói đến ý nghĩa nơi sinh ra, nơi gắn bó máu thịt. Tuy vậy, Nguyễn Như Ý có điểm khác là khẳng định ý nghĩa: được sinh ra. Đối chiếu với câu văn của Hồ Anh Thái, tác giả đã đảo trật tự các thành tố trong thành ngữ mới *cắt rốn chôn rau*, thì nó không còn mang nghĩa bóng, nghĩa hình ảnh như từ điển giải thích, mà trong câu văn của Hồ Anh Thái, thành ngữ được hiểu với

nghĩa đen trên bề mặt và nghĩa hàm ẩn, đó là: cô gái đã sinh con một cách vụng trộm, che giấu mọi người vì hoang thai.

**- Thay thế một hay một số thành tố trong thành ngữ, tục ngữ gốc bằng một thành tố khác nhằm tạo nên thành ngữ, tục ngữ mang nghĩa mới**

Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy việc thay thế thành tố trong tổ chức của thành ngữ, tục ngữ gốc là biện pháp thường được các nhà văn ưa sử dụng. Chúng chiếm số lượng khá lớn. Sau đây là một số ví dụ:

(2) Mặt khinh khinh, ông Đồng biu môi:

Quan trọng đêch gì, tất cả chúng ta chẳng qua chỉ là một lũ tiểu đồng cấp tráp theo hầu mấy ông toàn quan lớn *dốt đặc cán tấu* thôi [MVK, MMMN, tr.226].

Theo Nguyễn Như Ý thì *dốt đặc cán mai* có nghĩa: Quá dốt, dốt đến mức mù tịt, không biết gì [7, tr.261].

Trong thành ngữ gốc *dốt đặc cán mai* thì từ (*cán*) *mai*, theo *Đại từ điển tiếng Việt*, vốn có nghĩa là: (dt) dụng cụ có lưỡi sắt to, phẳng và nặng, tra cán thẳng đứng, dùng để đào, xăn đất [8, tr. 995] được đổi thành *dốt đặc cán tấu*. Từ *tấu* có nghĩa: (dt) Cây lấy gỗ, thân tròn, cao, to, quả có hai cánh, gỗ màu nâu nhạt thuộc loại tứ thiết (đinh, lim, sến, tấu) [8, tr.1431] làm cho ý nghĩa của câu văn trở nên được nhấn mạnh hơn, mới mẻ hơn, thể hiện thái độ điệu nhại của tác giả đối với các vị là quan lớn.

(3) Không có ai mua thuốc Lào đâu em Hường "mông nặng" Mộng ơi. Người cấp tiền thì ai hút thuốc Lào đâu mà em lại đi bán thuốc Lào "cấp tiền" làm gì. Cái nhãn hiệu ấy không phù hợp, không tương thích, em ạ. "Thuốc Lào cấp tiền"- nghe nó lừng lừng cái cảm giác "*làm đĩ phải năm toi trai*" ấy em ơi [ĐT, NMHT, tr.46].

Trong tiếng Việt, tục ngữ gốc thường được ghi trong từ điển là *Làm đi phải năm **mắt mùa*** được nhà văn Đặng Thân đổi thành *Làm đi phải năm **toi trai***. Việc thay thế này làm cho ý nghĩa của câu văn trở nên được nhấn mạnh hơn, hàm ý mỉa mai về sự ế ẩm về việc làm của cô gái sâu sắc hơn.

(4) Tạo ra một kẽ hở. Đủ rộng để cho chuột trườn từ bên trong dồn sức hỗ trợ. Cùng nâng. Vừa kíp. Chuột trườn nghiêng mình lặn qua kẽ hở. Cái lòng bàn lặn xuống đánh sầm. Hai con chuột lao phốc đi. *Tránh người chẳng xấu mặt nào*. [Hồ Anh Thái, SBCLSBC, tr.141]

Trong câu trên, thành ngữ gốc *tránh voi chẳng xấu mặt nào* có ý nghĩa: nhượng bộ, tránh va chạm, đối chọi với kẻ mạnh, không có gì đáng xấu hổ hoặc mất thể diện, trái lại tránh được tai họa, thất thiệt cho mình [7, tr.655] lại được nhà văn thay bằng *tránh người chẳng xấu mặt nào* có hai tác dụng: thứ nhất là phù hợp với ngữ cảnh của câu chuyện nói về chuột (tên gọi ẩn dụ) tránh người, thứ hai là tạo nên sự mới mẻ trong cách diễn đạt, gây thú vị cho người đọc, từ đó người đọc có thể suy ra: Chuột Trùm (đại diện cho thế lực đen tối) hết sức mưu mô xảo quyệt, biết tiến biết lui một cách hết sức khôn ngoan nên con người - những cá thể - đang sống và làm việc hãy cảnh giác.

Có thể liệt kê một số thành ngữ, tục ngữ có thay đổi thành tố, như: *com gà cá gỡ* (*gỡ* thay cho *gỏi*); *đau lòng buốt ruột* (*buốt* thay cho *xót*); *của thử trả thử - chỉ chuột* (*thử* thay cho *thiên* và *địa*); *lời nói gió tạt* (*tạt* thay cho *bay*); *rối tinh rối xòe* (*xòe* thay cho *mù*)...

#### - Thêm thành tố trong tổ chức thành ngữ, tục ngữ

Ở dạng từ điển, kết cấu của thành ngữ, tục ngữ, là ổn định, nhưng trong sử dụng, thì bên cạnh biện pháp thay đổi thành tố, các nhà văn còn sử dụng biện pháp thêm thành tố vào cấu

trúc của thành ngữ, tục ngữ, bề gãy cấu trúc cố định của chúng với mục đích làm biến đổi ý nghĩa của đơn vị thành ngữ, tục ngữ gốc.

Ví dụ:

(5) Linh Anh có có để mà làm lành với chồng:

Bác đừng tưởng, nhiều lúc cũng cục lăm đấy. Chị sẽ dạy cho em võ “tay bo”. *Anh mà hạ căng chân, em cũng thương căng tay*, lo gì. [LL, HN, tr.22]

Theo Nguyễn Như Ý, thành ngữ gốc *thương căng tay, hạ căng tay* có nghĩa: đánh đập tàn nhẫn, vũ phu, thô bạo (hành động của người này đánh đập người kia) [7, tr.637] được tác giả Lê Lựu thêm thành tố: *Anh mà hạ căng chân, em cũng thương căng tay*, với nghĩa: hai người là vợ chồng lại đánh nhau “một cách bình đẳng”, nếu chồng đánh vợ trước thì vợ đánh lại chồng. Cách ứng xử của người vợ ngày nay như vậy khác với người vợ trước đây nét na: “Chồng giận thì vợ bớt lời”. Như vậy, việc thêm yếu tố vào trong cấu tạo đơn vị thành ngữ gốc, biến chúng trở thành đơn vị mới là tục ngữ, đã làm mới nội dung diễn đạt, ý nghĩa của câu tục ngữ đã thay đổi, chứ không như ý nghĩa thành ngữ gốc ban đầu.

(6) Thơ nữa. Dưới mỗi bức tranh là một khung kính nhỏ, những bài thơ nhớ mẹ thể hiện bằng thư pháp Việt loằng ngoằng. Đọc không rõ thì nâng cao tính bí hiểm và tôn sùng, giống như nét chữ bác sỹ, giống như những câu kinh kệ trong băng ghi âm. Thơ thì *râu ông nọ một tí cầm bà kia một tẹo*. [HAT, SBCLSBC, tr.261]

Thành ngữ gốc *râu ông nọ cầm bà kia* với nghĩa bóng nói đến sự chấp vá, lẩn lộn một cách tùy tiện, trở nên khập khiễng, không khớp, không hợp nhau [7, tr.564]. Tuy vậy, thông qua ngòi bút của Hồ Anh Thái, tác giả đã thêm vào một số yếu tố: *râu ông nọ một tí cầm bà kia một tẹo* đặt trong câu văn khiến cho thành ngữ mang một ý nghĩa mới, đó là thái độ mỉa mai, phê

phán của người viết một cách kín đáo. Một ông con bề ngoài tỏ ra rất giàu có nhưng sự giàu có này lại được xây dựng trên sự tàn bạo, anh ta xô cho mẹ ngã xuống ban công chết, để chiếm đất, chiếm nhà. Vậy mà sau khi mẹ chết, anh ta lại vẽ tranh về mẹ, làm thơ bày tỏ lòng hiếu thảo với mẹ. Một người như vậy thì ắt hẳn thơ chỉ là sự giả dối hình thức bên ngoài, che đậy bản chất xấu xa bên trong. *Râu ông nọ một tí cầm cầm bà kia một tạo* với nghĩa: Bài thơ được chấp vá những câu thơ của người này người khác.

(7) Hãy dừng cảm mà chấp nhận sự chia tay anh nhé. Nếu không có *lũ đều cáng kia ăn ốc để anh phải đổ vỏ*, thì làm sao cả tôi và anh đều phải làm khổ nhau thế này. [LL, HN, tr.164]

Thành ngữ: *kẻ ăn ốc, người đổ vỏ* là nói đến sự ngang trái, lén lút hưởng lộc một cách bất chính (của một người nào đó) mà người khác lại mang tiếng hoặc chịu hậu quả xấu [7, tr.338]. Còn trong cách sử dụng của nhà văn Lê Lưu, việc thêm thành tố vào trong câu thành ngữ *lũ đều cáng kia ăn ốc để anh phải đổ vỏ* đã làm cho thành ngữ mới được tạo ra lại có nghĩa khác đi: nhân vật Tâm (chồng của nhân vật xưng "tôi" – "tôi" đẹp và cũng là người vợ ngoại tình) là người bị lừa dối mà không biết, sống với vợ mà luôn bị vợ hắt hủi, không muốn gần gũi. Chính vì thế, cả hai người, ai cũng đau khổ, người vợ đau khổ vì đem lòng yêu người khác, còn người chồng thì luôn bị động theo tình cảm nóng lạnh thất thường của người vợ.

#### **- Rút gọn thành tố trong tổ chức thành ngữ, tục ngữ**

Việc rút gọn thành tố trong tổ chức thành ngữ, tục ngữ cũng là một trong những biện pháp sáng tạo đưa lại ý nghĩa mới mẻ với người đọc.

Trong tác phẩm *Mẫu thượng ngàn* của Nguyễn Xuân Khánh, tác giả đã sử dụng biện pháp rút gọn câu tục ngữ sau:

(8) Đối diện với cụ là một cậu bé trạc 14 tuổi. Nó cởi trần, chỉ mặc độc chiếc quần lửng. Làn da nâu được ánh chiều hắt vào làm bóng lên. Một miếng thăng bé nhai một quả cà, ăn rất nhanh, chỉ một loáng đã xong bát cơm. Cụ Tiết cười bảo:

- Ông đã dạy cháu bao nhiêu lần rồi. *Ăn phải có nhai*. Từ tốn thôi con ạ. [NXK, MTN, tr.128].

Câu tục ngữ *Ăn có nhai nói có nghĩ* vốn có nghĩa: Con người cần suy nghĩ cẩn trọng trước lúc nói năng điều gì. Nghĩa bóng nhấn mạnh vào vế thứ hai là chính: *nói có nghĩ*, chứ không phải vế thứ nhất: *Ăn có nhai*. Tuy nhiên trong lời nói của cụ Tiết, thì ông lại chỉ sử dụng rút gọn vế thứ nhất *ăn có nhai* với nghĩa đen, coi đó như một chân lý mà cha ông đã truyền lại để nhắc nhở thằng cháu, coi đó như một lời răn dạy cháu.

(9) Phải chăng *đồng khí tương cầu*, vì thế mà Hường đem lòng yêu thằng Bóp, một gã cha căng chú kiết, hung dữ dã man? Còn thằng Bóp tuy thế nhưng lại có cái gốc rễ dịu dàng "nhân bản" của con người nên nó mới đem lòng yêu người con gái ngoan hiền một cách thánh thiện [ĐT, NMHT, tr.92].

Thành ngữ *đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu* có nghĩa bóng là: Những người cùng có tâm hồn, chí hướng, sở thích giống nhau, dễ gần gũi, thường tìm đến nhau để ủng hộ nhau cùng mưu việc lớn [7, tr.321]. Nhưng trong ví dụ trên, nhà văn lại rút gọn vế trước, chỉ sử dụng vế sau *đồng khí tương cầu* đã tạo cho câu văn có nghĩa mới: cả hai người (thằng Bóp và Hường) cùng có những biểu hiện bên trong giống nhau (tính hung dữ, dã man).

### 3.2. Sáng tạo thành ngữ, tục ngữ về mặt ý nghĩa

Bên cạnh việc thay đổi về cấu trúc, các nhà văn còn sáng tạo những thành ngữ tục ngữ về mặt ý nghĩa. Có thể bắt gặp những dạng sau:

**- Vô ngữ âm của thành ngữ, tục ngữ không đổi nhưng chúng được cấp cho ý nghĩa mới nhờ đặt trong ngữ cảnh của văn bản**

(10) Hoa hậu rồi, *vua biết mặt chúa biết tên*, đại gia biết từ A đến Zét, cả nước biết mặt trên truyền hình, ong bướm dập dìu đón rước, học hành gì. [HAT, SBCLSBC, tr.128]

Thành ngữ *vua biết mặt chúa biết tên*, theo *Đại từ điển tiếng Việt*, có nghĩa: Được nhiều người có tiếng tăm, uy tín biết đến [8, tr.1785]. Tuy nhiên, trong ngữ cảnh của phát ngôn trên trên, thành ngữ này lại được hiểu: người phụ nữ rất đẹp - là hoa hậu, đến mức được các đại đại gia biết đến, và cô gái đã quá "gần gũi, kề cận" nhiều vị đại gia. "Biết" ở đây có nghĩa là "chung sống, cặp bồ". Thái độ mỉa mai của nhà văn đã bộc lộ khá rõ qua thành ngữ đặt trong câu văn miêu tả trên.

(11) Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy. Tức là thầy mới là mục đích, còn yêu là biện pháp để đạt mục đích [HAT, SBCLSBC, tr.128]

Người Việt có câu: "*Muốn sang thì bắc cầu Kiều, muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy*". Xét về mục đích tác động, có thể xem câu này như một câu tục ngữ của cha ông khuyên các thế hệ cha mẹ học sinh là phải quý mến, kính trọng thầy giáo thì con họ mới học được những kinh nghiệm, tri thức từ người thầy truyền lại. Từ cha mẹ, các con cái sẽ noi theo. Tuy vậy, trong ngữ cảnh câu trên thì ý nghĩa của câu tục ngữ này đã biến đổi hoàn toàn về ý nghĩa, thầy là mục đích cuối cùng để đạt tới, còn yêu chỉ là biện pháp để đạt được mục đích đó.

(12) Ông Cốp thỉnh thoảng *tiền hô hậu ủng* về đây cúng lễ, cảm thấy bệnh voi đi, người hung phấn. (HAT, SBCLSBC, tr.313)

Thành ngữ *tiền hô hậu ủng* vốn là một thành ngữ gốc Hán, có nghĩa là hộ tống rầm rộ oai phong [7, tr.639]. Nhưng trong ngữ cảnh trên nó lại được cấp thêm nghĩa mới: thái độ

điều nhạt của tác giả đối với người được gọi là "ông Cốp". Dân gian gọi ông Cốp là người làm việc nhà nước, có chức sắc được vị nể. Ông Cốp đi cúng lễ (việc làm thuộc về tâm linh, có tính riêng tư nội bộ gia đình) nhưng lại có "*tiền hô hậu ủng*" (thành ngữ Hán-Việt với nghĩa trang trọng) chỉ một đội quân đông đảo những người đi kèm đầy oai vệ, uy lực.

**- Tạo những đơn vị mới (chưa ổn định) theo mô hình cấu tạo của thành ngữ, tục ngữ khiến cho đơn vị được cấu tạo mới đó mang tính thành ngữ, tục ngữ**

Có thể nói, trong một số tác phẩm mới nhất gần đây, xu hướng đem những lời ăn tiếng nói khẩu ngữ hàng ngày mô phỏng mô hình, cấu trúc thành ngữ, tục ngữ được đưa vào lời của nhân vật ngày càng nhiều hơn.

Trong tác phẩm *Những mảnh hồn trần* của Đặng Thân, chúng tôi thu được khá nhiều đơn vị mới được tạo ra, mang tính thành ngữ, tục ngữ. Chúng có tác dụng tạo nên một lối nói mới, lạ tai, tạo nên tiếng cười bất ngờ, thú vị đối với người đọc, chẳng hạn: *Bán thẳng miền xuôi nuôi thẳng miền ngược* (chỉ đi buôn thuốc phiện); *chán như con gián* (rất chán nản về những gì xung quanh); *một đời giéng mấy đời giàu* (chỉ sự thay đổi người yêu quá chóng vánh); *sành điệu con hàng hiệu* (phụ nữ rất sành điệu phải đi gọi trai đến làm tình).

(13) Có thể nói đây là một đại diện lớn của nền "văn minh cau su" cỡ "*cao thủ đầu có mù*" [ĐT, NMHT, 23].

(14) Ở Việt Nam, tôi thấy ai cũng là một nhà tư tưởng được, có những khi gặp bác xích lô tôi cũng gặp được những lời vàng ngọc. Kiểu như bác xích lô đã bảo tôi: "*Đời là cái đỉnh, tình là cái que*" [ĐT, NMHT, 608].

(15) Vì thế mà họ đến rồi vội về, còn tôi đến rồi tìm cách ở lại, mặc dù cuộc sống ở đây làm tôi nhiều lúc "*điên ơi là điên*", "*chán như con gián*". [ĐT, NMHT, 434].

(16) Các bà các cô "*sành điệu con hàng hiệu*" thì thường thích ăn "bánh mì gọi" [ĐT, NMHT, 434].

(Với nghĩa các ô gái giàu có, nhiều tiền thích ăn bánh mì gọi, tức là mại dâm nam, hay *trai gọi*).

(17) Nhìn cảnh những thanh niên quanh cô con nhà quyền chức, buôn bán ăn chơi hưởng lạc MM đã không cảm lòng mình được, cô đã sa đà sa ngã và "*bán thẳng miền xuôi nuôi thẳng miền ngược*." Cô đã trở thành gái bán hoa. [Đặng Thân, NMHT, tr.471]

Ở một số tác giả khác, chúng tôi cũng gặp hiện tượng sử dụng thành ngữ được cấu tạo mới mẻ này, như: Ma Văn Kháng, Hồ Anh Thái, Nguyễn Xuân Khánh, Lê Lưu

(18) Kiến đưa một ngón tay lên môi suýt soát:

- Quái kiệt là trong khi ả nọ cứ ho, cứ cười mà thẳng cha giáo Cầu nó cứ ấn thực mạng vào, ai còn dám bảo *bình dân tối dạ, học giả yếu chim* nữa. (MVK, MMMN, tr.110) --> thành ngữ này có nghĩa: người bình dân thì học dốt, còn người có tri thức học hành thì lại yếu chim (bộ phận sinh dục)

Có khá nhiều "thành ngữ" mới được tạo ra một cách vắn vè, dễ nhớ, dễ thuộc. Thực chất chúng chưa phải là thành ngữ, nhưng tác giả đã cấu tạo theo mô hình thành ngữ để tạo nên sự độc đáo riêng cho lối viết của mình.

### 3.3. Phối hợp nhiều thành ngữ, tục ngữ trong câu hoặc đoạn văn để tạo tính cộng hưởng về nghĩa

Có khi nhà văn dùng liên tiếp nhiều thành ngữ, tục ngữ trong một chuỗi câu để cấu tạo đoạn văn. Việc sử dụng đồng thời này có tác dụng tạo nên trường nghĩa liên tưởng sâu đậm hơn về biểu hiện tính cách, sở thích của nhân vật, hoặc rút ra những nhận xét khái quát, mang tính chân lý về cuộc sống, về nhận thức xã hội...

(19) Nhưng rồi đến hai thằng cháu *đầu trộm đuôi cướp* thì bà hiểu *giở nhà ai quai nhà nấy, rau nào sâu ấy*. Một dòng chảy tạm gián đoạn ở con nhưng lại tiếp nối ở cháu. (HAT, SBCLSBC, tr.104) --> một chuỗi các thành ngữ, tục ngữ được sử dụng tạo nên sự liên tưởng của người đọc về hai đứa con của ông chủ "rất xấu," đều là loại trộm cướp

(20) Bài học con nuôi của cô Mắm phó chủ nhiệm đã được cô thư ký đại hội tiếp thu. Chẳng việc gì mà phải nhận con nuôi. *Khác máu tanh lòng. Công anh bắt tép nuôi cò, cò ăn cò lớn cò dò lên cây*. Có nuôi thì nuôi cháu trong nhà. *Lọt sàng xuống nia*, chẳng đi đâu mà thiệt. Cô thấy lạ cho những người gửi tiền vào quỹ nhân đạo quỹ tình thương cho người vô hình ở đâu đấy, trong khi con cháu trong nhà túng thiếu thì không cho. (HAT, SBCLSBC, 20) --> liên tưởng đến việc nhận con nuôi có những phó khẩn nhất định.

## 4. Một số kết luận

Qua tìm hiểu việc sử dụng những thành ngữ, tục ngữ của các tác giả trên, chúng tôi rút ra một số nhận xét sau:

- Nếu như trước 1975, nhiều nhà văn giữ nguyên vỏ âm thanh của thành ngữ, tục ngữ trong tác phẩm của mình thì sau 1975 nhiều nhà văn đã sử dụng thành ngữ tục ngữ nhưng không chỉ giữ nguyên vỏ âm thanh mà có sáng tạo mới về cấu tạo, lẫn ý nghĩa. Số lượng biến đổi này chiếm khoảng một phần năm số lượng thành ngữ, tục ngữ gốc, không biến đổi.

- Trong tác phẩm nghệ thuật, việc sử dụng thành ngữ và tục ngữ được xem như là một biện pháp nghệ thuật hết sức cần thiết và chủ đạo. Tuy người này sử dụng chúng với tần số cao, người kia sử dụng ít, nhưng đa phần là chấp nhận nó như một đơn vị thường trực khi tạo ra



tác phẩm nghệ thuật. Trên thực tế, thành ngữ bao giờ cũng được sử dụng nhiều hơn tục ngữ.

- Trong mỗi tác phẩm cụ thể, nhà văn viết về những đề tài với chủ đề, nội dung, mục đích, thể giới nhân vật, thể loại khác nhau. Chính vì vậy, qua điều tra, các tiểu nhóm ý nghĩa chung của thành ngữ, tục ngữ trong từng tác phẩm cụ thể cũng thể hiện đặc điểm phong cách riêng của mỗi nhà văn. Có nhà văn nghiêng về những thành ngữ, tục ngữ nói đến những con người tha hóa, xuống cấp; có tác giả lại nặng về mô tả cảnh sắc thiên nhiên ở một vùng quê nào đó. Trái lại, có nhà văn lại nặng về miêu tả một vùng đất mới khai khẩn, con người dũng cảm như những người tiên phong đi mở cõi.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Bakhtin, M. M. (1973) Questions of Literature and Aesthetics, (Russian) Progress Moscow, 1979.
- [2] Bakhtin, M. M. Art and Answerability. Ed. Michael Holquist and Vadim Liapunov. Trans. Vadim Liapunov and Kenneth Brostrom. Austin: University of Texas Press [written 1919–1924, published 1974–1979]
- [3] Hoàng Văn Hành, Thành ngữ học tiếng Việt, Nxb Khoa học xã hội, 2004
- [4] V.V. Vinogradov, Selected works. The history of Russian Literary Language, Moscow, 1978, tr.288.
- [5] F.de Saussure, Giáo trình ngôn ngữ học đại cương, Nxb Khoa học xã hội, 1978
- [6] Nguyễn Lân, Từ điển thành ngữ, tục ngữ Việt Nam, Nxb Văn học, 2010.
- [7] Nguyễn Như Ý, Từ điển giải thích thành ngữ tiếng Việt, Nxb Giáo dục, 1995.
- [8] Nguyễn Như Ý, Đại từ điển tiếng Việt, Nxb Đại học Quốc gia, TP Hồ Chí Minh, 2007.

### Tài liệu trích dẫn làm ví dụ được viết tắt

- I. Ma Văn Kháng, Một mình một ngựa, Nxb Phụ nữ, 2010 (MVK, MMMN)
- II. Nguyễn Xuân Khánh, Mẫu thượng ngàn, Nxb Phụ nữ, 2012 (NXK, MTN)
- III. Võ Thị Hào, Giàn thiệu, Nxb Phụ nữ, 2007 (VTH, GT)
- IV. Chu Lai, Phở, Nxb Văn học, 2000 (CL, P)
- V. Lê Lựu, Hai nhà, Nxb Thời đại, 2000 (LL, HN)
- VI. Bảo Ninh, Nỗi buồn chiến tranh, Nxb Trẻ, 2011 (BN, NBCT)
- VII. Nguyễn Khắc Phê, Biết đâu địa ngục thiên đường, Nxb Phụ nữ, 2011 (NKP, BĐĐNTĐ)
- VIII. Hồ Anh Thái, SBC là sản bắt chuột, Nxb Trẻ, 2011 (HAT, SBCLSBC)
- IX. Đặng Thân, Những mảnh hồn trần, Nxb Hội Nhà văn, 2011.(ĐT, NMHT)
- X. Dương Thụy, Oxford thương yêu, Nxb Trẻ, 2012 (DT, OTY)

## The Creative Use of Idioms and Proverbs in Novels after 1975

Đỗ Thị Kim Liên

Vinh University, 182 Lê Duẩn, Vinh, Nghệ An, Vietnam

**Abstract:** So far, the researches of idioms and proverbs have the tendency to approach them as isolated units, separated from communicative contexts. With our new approach, we consider idioms and proverbs from functional perspective, including : (1) The significance of idioms and proverbs in a specific context, in combination with the purpose of the speaker, (2) The writer's creative use in the structure of idioms and proverbs, also their new meanings.

**Keywords:** Idioms, proverbs, meaning, structure, relation.